

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 299/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2023

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhàn.

2. Bà Trần Thu Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Thanh Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 217/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2023, về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Đỗ Thị Cẩm X, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Lương Thế V, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: K, thị trấn V, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm X trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2009, chị Đỗ Thị Cẩm X sống chung với anh Lương Thế V, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh T. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tình cảm không còn, chị X yêu cầu ly hôn anh V.

Về con chung: Chị X với anh V có 01 con chung tên là Lương Mạnh H, sinh ngày 25/12/2013. Chị X yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu H; không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Tại phiên tòa, bị đơn anh Lương Thế V trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2009, anh Lương Thế V sống chung với Đỗ Thị Cẩm X, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện G, tỉnh T. Đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Tình cảm không còn, anh V chỉ đồng ý ly hôn khi chị X chia lại cho anh V số tiền 300.000.000 đồng.

Về con chung: Anh V với chị X có 01 con chung tên là Lương Mạnh H, sinh ngày 25/12/2013. Anh V đồng ý giao cháu H cho chị X tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có số tiền 600.000.000 đồng, chị X đang quản lý; anh V yêu cầu chị X chia lại cho anh V 300.000.000 đồng.

Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

*** Ý kiến và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện đúng trình tự, quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị X với anh V.

+ Về con chung: Giao cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 25/12/2013 cho chị X tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình; nên căn cứ, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân gia đình.

[2] Theo lời trình bày, yêu cầu của các đương sự; xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2009, chị X với anh V tự nguyện sống chung, có đăng ký kết hôn. Chị X với anh V có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị X yêu cầu được ly hôn anh V là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; anh V yêu cầu chị X chia cho anh V 300.000.000 đồng anh mới đồng ý ly hôn chị X là không có căn cứ; nên chấp nhận yêu cầu của chị X, cho chị X ly hôn anh V.

- Về con chung: Chị X yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 25/12/2013; cháu H có nguyện vọng sống chung trực tiếp với chị X; anh V cũng đồng ý; nên ghi nhận, giao cháu H cho chị X tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng. Anh V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Anh V cho rằng anh và chị X có số tiền chung là 600.000.000 đồng, chị X không thừa nhận, Anh V yêu cầu chị X chia lại cho anh 300.000.000 đồng, nhưng anh V không có chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu của anh V; đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án; chị X và anh V không có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung; nên không xem xét.

Nếu anh V và chị X có tranh chấp về tài chung thì yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

- Về nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét

[3] Về án phí: Chị X phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Đỗ Thị Cẩm X.

- Về hôn nhân: Cho chị Đỗ Thị Cẩm X ly hôn anh Lương Thế V.

- Về con chung: Giao cháu Lương Mạnh H, sinh ngày 25/12/2013 cho chị Đỗ Thị Cẩm X tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lương Thế V được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí:

+ Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0027163 ngày 25/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, nên chị X đã nộp xong án phí.

+ Anh V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị X và anh V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND thị trấn V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Trung Hiếu